

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

(Dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo đại học của Trường)

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần:
  - + Tiếng Việt: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
  - + Tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam
- Mã học phần: DCB.03.14
- Số tín chỉ: 2
- Vị trí của học phần trong CTĐT

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết: Không
- Phân bổ giờ giảng tín chỉ đối với các hoạt động: 100 giờ
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 giờ
  - + Bài tập Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành: 12 giờ
  - + Kiểm tra: 4 giờ
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm): 64 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
  - 1) Họ và tên: TS. Nguyễn Văn Sanh  
Chức danh: Viện Trưởng - Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị  
Thông tin liên hệ: ĐT 0913587494; Email: [sanhtcnh@gmail.com](mailto:sanhtcnh@gmail.com)
  - 2) Họ và tên: TS. Phạm Đình Hòa  
Chức danh: Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT 0983600415 Email: [hoephamntqd@gmail.com](mailto:hoephamntqd@gmail.com)
  - 3) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Nguyên  
Chức danh: - Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT: 0943436479 Email: [ntnguyen77@gmail.com](mailto:ntnguyen77@gmail.com)
  - 4) Họ và tên: ThS. Lê Thị Thanh Huyền  
Chức danh: Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT 0988858862 Email: [lethanhhuyen211995@gmail.com](mailto:lethanhhuyen211995@gmail.com)
  - 5) Họ và tên: ThS. Nguyễn Tuấn Anh  
Chức danh: Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT: 0973939709 gmail: [Tuananh2808t@gmail.com](mailto:Tuananh2808t@gmail.com)

## 2. Mô tả học phần

**Chương nhập môn:** Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Chương I:** Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945).

**Chương II:** Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).

**Chương III:** Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

## 3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần	Mô tả mục tiêu học phần
CSO 1.1	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về hệ thống cương lĩnh, đường lối, tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng qua các thời kỳ
CSO 2.1	Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.
CSO 3.1	Giúp sinh viên có ý thức, nhận thức được rõ hơn vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, thêm tin tưởng vào chế độ chính trị Xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, góp phần tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

## 4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CĐR của CTĐT	Mức độ đóng góp cho CTĐT
<i>CĐR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Nắm được các mốc lịch sử, Đảng CSVN ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn toàn giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.	PLO 1.1	3
	CLO 1.2	Giải thích được ý nghĩa của việc học tập bộ môn Lịch sử Đảng CSVN, có nhận thức đúng đắn về thực tiễn lịch sử và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống lại mọi thế lực thù địch, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, mang lại hoà bình, tự do cho nhân	PLO 1.1	3

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CĐR của CTĐT	Mức độ đóng góp cho CTĐT
<i>CĐR về kiến thức:</i>				
		dân, lãnh đạo cả nước bước vào thời kỳ đổi mới, xây dựng xã hội phát triển, giàu đẹp.		
<i>CĐR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	<b>Vận dụng</b> được kiến thức, sự hiểu biết về Đảng CSVN để nâng cao trình độ lý luận, đấu tranh phản biện với những thông tin thù địch, sai trái, từ đó thêm tin tưởng vào chế độ chính trị Xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.	PLO 2.2	2
	CLO 2.2	<b>Phân tích</b> khoa học, khách quan lịch sử ra đời và phát triển của Đảng CSVN với gắn liền với tiến trình lịch sử của dân tộc ta từ đầu thế kỷ 20, từ đó nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạng đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.	PLO 2.2	2
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	<b>Đánh giá</b> được, liên kết được kiến thức của học phần từ đó hình thành được quan điểm riêng của mình đối với các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, có cái nhìn đúng đắn về sự nghiệp cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang xây dựng, phát triển.	PLO 3.1 PLO 3.2	2 2
	CLO3.2	Có khả năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, trang bị năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử Đảng CSVN.	PLO 3.2	2

*Mức độ đóng góp:*

1: Introduce (Giới thiệu)      2: Reinforce (Củng cố)      3: Master (Thành thạo)

## 5. Học liệu:

### 5.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Bộ GD&ĐT)– NXB Chính trị Quốc gia sự thật 2021
- Slides bài giảng của giảng viên

### 5.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII – NXB Chính trị Quốc gia. HN 2016.
- 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn tập, từ tập 1 đến tập 65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998-2018.
- 3) Đảng Cộng sản Việt Nam 80 xây dựng và phát triển, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

## 6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

<input type="checkbox"/>	Thuyết trình tích cực	<input checked="" type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đồ án
<input type="checkbox"/>	Thảo luận/Semina	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo	<input checked="" type="checkbox"/>	Sử dụng công nghệ trong dạy học (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng)	<input type="checkbox"/>	Mô phỏng
<input type="checkbox"/>	Tiểu luận/Bài tập lớn	<input checked="" type="checkbox"/>	Nghiên cứu trường hợp/Tình huống	<input type="checkbox"/>	Thực tập	<input type="checkbox"/>	Tự học có hướng dẫn
<input checked="" type="checkbox"/>	Nêu và giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/>	Thuyết giảng	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	PP khác

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
			LT, KT	BT, TL		
<b>Tuần 1</b>	<b>Bài 1</b>	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng CSVN. I. Đối tượng nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 lý thuyết	2 thảo luận	CLO 1.3 CLO 2.1	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 2</b>	Chương I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 1.3 CLO 2.2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)

Tuần/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên	
		LT, KT	BT, TL			
	<p>I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.</p> <p>1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng</p> <p>1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p>					
<b>Tuần 2</b>	<b>Bài 3</b>	<p>Chương I (tiếp).</p> <p><b>II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh chính quyền (1930-1945)</b></p> <p>2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1933</p> <p>2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939</p>	2 lý thuyết	2 thảo luận	CLO 1.2 CLO 1.3	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 4</b>	<p>Chương I. (tiếp)</p> <p><b>II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh chính quyền (1930-1945)</b></p> <p>2.3. Phong trào giải phóng dân 1939-1945</p> <p>2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng năm 1945.</p>	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 1.3 CLO 3.1	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
<b>Tuần 3</b>	<b>Bài 5</b>	<p>Chương II. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p>	1 lý thuyết 3 tiết kiểm tra	1 tiết thảo luận	CLO 3.1 CLO 3.2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)

Tuần/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT, KT	BT, TL		
	<p><b>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954)</b></p> <p>1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945- 1946)</p> <p>1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950)</p>				
	<p><b>Bài 6</b></p> <p>Chương II (tiếp)</p> <p><b>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954)</b></p> <p>1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954</p> <p>1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ.</p>	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 2.3 CLO 3.1	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
<b>Tuần 4</b>	<p>Kiểm tra định kỳ (45 phút)</p> <p>Chương II. (tiếp)</p> <p><b>II. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)</b></p> <p>2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc 1954-1965</p>	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 3.1 CLO 3.2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
			LT, KT	BT, TL		
		<p>2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975</p> <p>2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 -1975</p>				
	<b>Bài 8</b>	<p>Chương III.Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)</p> <p><b>I. Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc (1975 – 1986)</b></p> <p>1.1. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1975 -1981</p> <p>1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986</p>	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 3.1 CLO 3.2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
<b>Tuần 5</b>	<b>Bài 9</b>	<p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)</b></p> <p>2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996</p> <p>2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018</p>	2 lý thuyết	1 thảo luận	CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)
	<b>Bài 10</b>	<p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)</b></p>	1 lý thuyết 3 tiết kiểm tra	1 tiết thảo luận	CLO 3.1 CLO 3.2	Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (10 tiết)

Tuần/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết		CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT, KT	BT, TL		
	2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>	<b>12</b>		

## 8. Nhiệm vụ của người học

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## 9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

### 9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

### 9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	
Bài kiểm tra số 1-50 phút giữa kỳ	30	Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề kiểm tra	CLO1.1, CLO1.2, CLO 2.1	40% 40% 20%
Bài kiểm tra số 2 – (Bài đánh giá tổng hợp kết quả làm Bài tập nhóm)		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.	Rubric	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1,	10% 20% 20% 30% 20%
Bài thi hết học phần	60	Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề thi	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	20% 50% 30%



### 9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

#### 9.3.1 Các Rubric đánh giá bài tập nhóm

\* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

\* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí	Yếu (dưới 5 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Giỏi (9-10 điểm)
<b>(1) Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận</b> <b>25%</b>	Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình.	Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương ứng với mục tiêu được giao.	Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ.	Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng, đầy đủ.
<b>(2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao</b> <b>25%</b>	Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao.	Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài.	Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận.	Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao.
<b>(3) Tính rõ ràng</b> <b>20%</b>	Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết.	Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết.	Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.	Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.
<b>(4) khả năng làm việc nhóm,</b> <b>10%</b>	Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài.	2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được	Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú.	Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh

		phong phú về hình ảnh, nội dung.		động, có sử dụng công nghệ.
<b>(5) Người thuyết trình 10%</b>	Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài). Không mạch lạc, nói vấp, nói sai.	Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu.	Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải.	Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết trình, có tương tác với người nghe.
<b>(6) Trả lời câu hỏi của khán giả 10%</b>	Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên.	Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi.	Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi.	Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi.

### 9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng					Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	4,0-0,0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết học	Tham dự trên lớp dưới 80% số tiết học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

Viện trưởng



TS. Nguyễn Văn Sanh

Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Văn Sanh

Người soạn thảo



TS. Nguyễn Văn Sanh

